TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CAO LÃNH** **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 23 – 02 – 2022
V/v tranh chấp hôn nhân gia đình
Ly hôn, nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAO LÃNH, TỈNH ĐỒNG THÁP

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Võ Thị Ngọc Minh;

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Võ Thị Điệp

2. Ông Phạm Phước Tâm

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Đào Kim Xoa – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cao lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Ngày 23 tháng 02 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Cao lãnh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 367/2021/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 12 năm 2022 về việc: *"Tranh chấp hôn nhân và gia đình - Ly hôn, nuôi con"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 13/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 01 năm 2022, Quyết định hoãn phiên tòa số 40/2022/QĐST-HNGĐ ngày 14 tháng 02 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Lê Thị Kim T, sinh năm 2002

Địa chỉ: Tổ 4, ấp 4, xã T, huyện C, tỉnh Đ.

Bị đơn: Võ Hoàng P, sinh năm 1999.

Địa chỉ: ấp H, xã N, huyện C, tỉnh Đ.

(Nguyên đơn có mặt, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa sơ thẩm chị Lê Thị Kim T là nguyên đơn trình bày:

- Về hôn nhân: Vợ chồng qua thời gian tìm hiểu, tiến tới hôn nhân và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, tỉnh Đ vào ngày 05/3/2020. Thời gian đầu vợ chồng hạnh phúc. Thời gian sau anh P thiếu trách nhiệm với gia đình, không quan tâm đến vợ con thêm nữa cha mẹ chồng khắt khe, bảo thủ chị chị T không làm dâu được. Tháng 4 năm 2020 chị T đem con về nhà cha mẹ

ruột. Anh P có đến hàn gắng tình cảm nhưng không thành. Từ đó tình cảm vợ chồng trong chị đã không còn, hôn nhân không thể nào hàn gắn tình cảm nên chị T yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Võ Hoàng P.

- Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Võ Lê Hoàng Khánh, sinh ngày 06/01/2020. Hiện nay con chung đang sống với chị T. Khi ly hôn chị T yêu cầu được quyền nuôi con và yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

- Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

- Về nợ chung: Vợ chồng không có nợ ai và cũng không cho ai nợ.

Bị đơn là anh Võ Hoàng P đã được tống đạt các văn bản tố tụng của Tòa án và được triệu tập xét xử hợp lệ, biết nội dung yêu cầu khởi kiện của Lê Thị Kim T nhưng không có ý kiến, không tham gia hòa giải và không có mặt tại phiên tòa sơ thẩm.

Tài liệu chứng cứ trong hồ sơ do đương sự cung cấp gồm:

Giấy chứng nhận kết hôn (bản chính);

Trích lục khai sinh con chung (bản sao);

Giấy chứng minh nhân dân Lê Thị Kim T và Sổ hộ khẩu (photo);

Đơn xác nhận nơi cư trú của chị Lê Thị Kim T (bản chính);

Đơn yêu cầu không hòa giải, đối thoại tại Tòa án của chị Lê Thị Kim T (bản chính);

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Chị Lê Thị Kim T có đơn yêu cầu được ly hôn với anh Võ Hoàng P. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự xác định quan hệ pháp luật trong vụ án này là *"Tranh chấp hôn nhân và gia đình - Ly hôn, nuôi con"*.

Anh Võ Hoàng P là bị đơn trong vụ kiện có địa chỉ tại huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp. Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự xác định thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án nhân dân huyện Cao lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh Võ Hoàng P là bị đơn trong vụ kiện nhưng anh P vẫn cố tình vắng mặt không có lý do và cũng không có ý kiến gì về việc xin ly hôn của Lê Thị Kim T. Vì vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với Võ Hoàng P là phù hợp theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung vụ án:

- Về quan hệ hôn nhân: Lê Thị Kim T và anh P sống chung với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân T, huyện C, tỉnh Đ vào ngày 05/3/2020, do đó hôn nhân giữa Lê Thị Kim T và anh P là hợp pháp. Trong quá trình chung sống Lê Thị Kim T và anh P phát sinh nhiều mâu thuẫn, tranh cãi bất đồng quan điểm sống dẫn đến hôn nhân không hạnh phúc. Lê Thị Kim T và anh P không còn chung sống với nhau cũng như không còn quan tâm, chăm sóc nhau.

Khi giải quyết vụ kiện, Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng và triệu tập anh Võ Hoàng P tham gia phiên hòa giải, phiên tòa nhưng anh P vắng mặt không có lý do cũng như không có ý kiến hay biện pháp nào để hàn gắn tình cảm đối với yêu cầu ly hôn của Lê Thị Kim T. Xét thấy hôn nhân giữa Lê Thị Kim T và anh P lâm vào tình trạng trầm trọng, nên Lê Thị Kim T yêu cầu ly hôn với anh P là có căn cứ để chấp nhận.

Từ những căn cứ nêu trên đủ cơ sở để xác định hôn nhân giữa Lê Thị Kim T và anh P là mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ vào Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận đơn yêu cầu ly hôn của Lê Thị Kim T.

- Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Võ Lê Hoàng Khánh, sinh ngày 06/01/2020. Hiện nay con chung đang sống với Lê Thị Kim T. Khi ly hôn, Lê Thị Kim T yêu cầu được nuôi con chung là Hoàng Khánh. Do anh P vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án nên không có lời trình bày. Bên cạnh đó, xét từ khi chị T, anh P sống xa nhau đến nay, chị T là người trực tiếp nuôi con chung; Anh P không về chăm sóc con chung cũng như không chu cấp chi phí để nuôi con. Do đó, để bảo đảm sự phát triển bình thường về thể chất và tinh thần của cháu Khánh, cần tiếp tục giao cháu Khánh cho Lê Thị Kim T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục là phù hợp theo quy định tại Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Lê Thị Kim T yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con hàng tháng, mỗi tháng là ½ tháng lương cơ sở. Căn cứ vào khoản 2 điều 82 Luật Hôn Nhân Gia Đình năm 2014 cũng có quy định: "*Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con* ".

Do đó, anh P phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung hàng tháng, mỗi tháng bằng số tiền ½ tháng lương cơ sở tương ứng với thời gian thi hành án.

Thời gian cấp dưỡng được tính bắt đầu từ tháng 02/2022 cho đến khi con chung Võ Lê Hoàng Khánh sinh ngày 06/01/2020 đủ 18 tuổi.

Anh P có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung, không ai được quyền ngăn cản.

- Về tài sản chung và nợ chung: Lê Thị Kim T trình bày vợ chồng có tài sản chung nhưng tự thỏa thuận, anh P không có ý kiến về tài sản chung, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

- Về nợ chung: Lê Thị Kim T trình bày vợ chồng không có nợ chung, anh P không có ý kiến về nợ, không có yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Án phí: Chị Lê Thị Kim T phải chịu án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm, anh Võ Hoàng P phải chịu án về cấp dưỡng nuôi con theo quy định tại Điều 144 và khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39, Điều 144, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu của chị Lê Thị Kim T.

- Về hôn nhân: Chị Lê Thị Kim T được ly hôn với anh Võ Hoàng P.

- Về con chung: Lê Thị Kim T được nuôi dưỡng con chung tên Võ Lê Hoàng Khánh sinh ngày 06/01/2020.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Anh P phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung Võ Lê Hoàng Khánh hàng tháng, mỗi tháng bằng số tiền ½ tháng lương cơ sở tại từng thời điểm thi hành án.

Thời gian cấp dưỡng được tính bắt đầu từ tháng 02/2022 cho đến khi con chung Võ Lê Hoàng Khánh sinh ngày 06/01/2020 đủ 18 tuổi.

Anh P có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung, không ai được quyền ngăn cản.

- Về tài sản chung: Do chị T và anh P không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về nợ chung: Chị T trình bày không có thiếu nợ ai, cũng không cho ai nợ, anh P không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí: Chị Lê Thị Kim T phải chịu 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0007112 ngày 20 tháng 12 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cao Lãnh. Như vậy Lê Thị Kim T đã nộp xong tiền án phí.

Anh Võ Hoàng P phải chịu 300.000 đồng tiền án phí cấp dưỡng nuôi con

Các đương sự được quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKS HCL;
- Toà án Tỉnh;
- Lưu: HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Võ Thị Ngọc Minh